TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ C

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **14**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 11.7.2019.
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B, THÀNH PHỐ C

Với thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ánh.

Các hội thẩm nhân:

1. Ông Trương Văn Rua;
2. Ông Hồ Ngọc Hỷ.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Châu – Thư ký Tòa án nhân dân quận B, thành phố C.

Ngày 11 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận B, thành phố C xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 08/2019/TLST-HNGĐ ngày 17/01/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 236/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

NGUYÊN ĐƠN: Ông Phạm Văn N.

Địa chỉ: khu vực B, phường L, quận B, thành phố C. (Có mặt)

BỊ ĐƠN: Bà Phạm Thị Kim T.

Địa chỉ: khu vực B, phường L, quận Bình Thuỷ, thành phố C.(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Phạm Văn N trình bày:

Ông và bà Phạm Thị Kim T tự nguyện tiến tới hôn nhân năm 1993, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L vào năm 1998. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2008 bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng nhiều lần cãi vả và bà T đã bỏ nhà đi từ tháng 12/2012 đến nay. Dù ông đã cố gắng tìm kiếm nhưng không có bất cứ thông tin gì về bà T. Nay, ông yêu cầu được ly hôn với bà T vì đã không còn tình cảm và đã sống ly thân nhiều năm.

Về con chung: thời gian chung sống có 02 (Hai) con chung tên Phạm D (nam) và Phạm Ngọc Bảo T (nữ). Con chung đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết. Về tài sản và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Phạm Thị Kim T bỏ đi từ năm 2015, nơi cư trú cuối cùng của bà tại địa chỉ khu vực B, phường L, quận B, thành phố C (Tòa án đã tuyên bà T mất tích theo Quyết định giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu tuyên bố một người mất tích

số 20/2017/QĐVDS-ST ngày 29/8/2017 của Tòa án nhân dân quận B, thành phố C) vì vậy vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu theo đơn khởi kiện ban đầu, bị đơn bà T vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét quan hệ pháp luật đây là vụ án tranh chấp ly hôn được pháp luật điều chỉnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Ông N, bà T đã có thời gian chung sống vợ chồng, giữa ông bà có nhiều mâu thuẫn kéo dài. Nay vợ chồng đã sống ly thân, ông N khởi kiện xin ly hôn với bà T. Phía bị đơn hiện đã bỏ địa phương đi từ tháng 12 năm 2012, không tin tức liên lạc và đã bị tuyên bố mất tích bằng Bản án số 20/2017/QĐDS-ST ngày 29/8/2017 của Tòa án nhân dân quận B. Do đó, căn cứ vào quy định của pháp luật Tòa án tiến hành niêm yết thông báo xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Hôn nhân bền vững, hạnh phúc được xây dựng trên sự yêu thương, quan tâm của đôi bên vợ chồng. Tại phiên tòa hôm nay, ông N cương quyết yêu cầu Tòa án cho ông được ly hôn vì vợ chồng đã không còn chung sống nhiều năm, bản thân ông không còn tình cảm với bà T. Về phía bà T đã bỏ đi không quan tâm gì đến gia đình, đồng thời Tòa án đã có Bản án giải quyết tuyên bố bà T mất tích. Cuộc hôn nhân của ông bà không đạt được mục đích hạnh phúc, vì vậy việc xin ly hôn của ông N là có căn cứ để Tòa án chấp nhận.

[2] Thời gian chung sống, có 02 (hai) con chung tên Phạm D (nam) và Phạm Ngọc Bảo T (nữ). Con chung đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ông N phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 28, 35, 147, 266, 267, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015.

Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Phạm Văn N được ly hôn với bà Phạm Thị Kim T.

2/ Về con chung: con chung tên Phạm D (nam) và Phạm Ngọc Bảo T (nữ) đều đã trưởng thành, không đưa ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Phạm Văn N phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng)*. Chuyển tiền đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 009582 ngày 25/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố C thành tiền án phí, đương sự đã nộp đủ tiền án phí.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với nguyên đơn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định đối với bị đơn được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố C giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận B, thành phố C;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận B;
- Ủy ban nhân dân phường L, quận B, TPC;
(GCNĐKKH số 78 ngfay 29/8/1998)
- Tòa án nhân dân thành phố C;
- Lưu (hs, Vp, Ltds).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Ánh